TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 702/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2017
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC –THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Thu

Các hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Nguyễn Thị Lý
2/- Bà Phan Thị Ngọc Ánh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở, Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1104/2016/TLST - HNGĐ ngày 08/11/2016 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2017/QĐXXST –HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Hoài P.

Thường trú: 60A Đường X., khu phố Y., phường L., quận T., Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Nghĩa D.

Thường trú: 60A Đường X., khu phố Y., phường L., quận T., Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tranh tụng tại Tòa bà Hoàng Thị Hoài P. là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Nghĩa D. tự nguyện chung sống vào cuối năm 1994 nhưng đến ngày 14/6/2006 mới đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã T., huyện T., tỉnh Đ.. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Theo bà cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D. thiếu trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, kể từ đầu năm 2011 cả hai chính thức số ng ly thân,

thời gian ly thân gia đình và ông D. có tạo điều kiện đoàn tụ gia đình nhưng không kết quả. Xét thấy tình cảm thực sự không còn, nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng N ., sinh ngày 03/5/1995 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Quỳnh N ., sinh ngày 15/7/2003. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng người con chung chưa trưởng thành, sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung, việc cấp dưỡng nuôi con bà tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Nghĩa D . là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông D. vắng mặt không có lý do theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D..

Tại phiên Tòa bà P. xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc , mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung : Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Hoàng Quỳnh N., sinh ngày 15/7/2003, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấ p nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Ông Nguyễn Nghĩa D. và bà Hoàng Thị Hoài P. tự nguyện chung sống vào năm 1994 có đăng ký kết hôn trễ hạn, Giấy chứng nhận kết hôn số : 27/2006 quyển số 02 ngày 14/6/2006 do Ủy ban nhân dân xã T ., huyện T., tỉnh Đ. cấp là cơ sở xác định hôn nhân hợp pháp, được pháp luật c ông nhận. Hiện tại ông D. đang sinh sống và cư trú tại phường L., quận T., đời sống chung của vợ ch ồng không hạnh phúc, bà P. là một bên đương sự, có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị Hoài P., Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà P. và ông Nguyễn Nghĩa D . tự nguyện chung sống vào cuối năm 1994, cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân chính t heo lời trình bày của bà Phượng do đôi bên bất đồng quan điể m sống, ông D. thiếu trách nhiệm với gia đình , vợ chồng thường xuyên cãi vã , từ đó dẫn đến cuộc sống ch ung không mang lại hạ nh phúc. Kể từ đầu năm 2011 cho đến nay cả hai đã sống ly thân , thời gian ly thân ông D. có tạo điều kiện để đoàn tụ gia đình nhưng không thành . Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường L. , quận T. thì ông Nguyễn Nghĩa D . hiện đang thường trú tại số 60A Đường X., khu phố Y., phường L., quận T., Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D. đã được Tòa án triệu tập đến Tòa, để giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật , nhưng ông D. vẫn vắng mặt không lý do, điều này chứng tỏ ông D. không quan tâm đến việc y êu cầu xin ly hôn của bà P., từ đó cho thấy thực tế tình trạng hôn nhân của đôi bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn , đời sống chung không thể kéo dài , khả năng đoàn tụ không còn , mục đích của hôn nhân không đạt được, xét hiện tại đôi bên đã sống ly th ân, việc bà P. có đơn yêu cầu được ly hôn với ông D. là có căn cứ , phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung : Xét hiện nay bà P . đang trực tiếp nuôi dưỡng người con chung , chưa trưởng thành sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu ông D. cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của người con chung và Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung : Căn cứ vào lời trình bày của bà P . về tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Ông D. có quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án bà Hoàng Thị Hoài P. phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm , nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đ (hai trăm ngàn) đồng bà P. đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014264 ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà P. đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57; 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Hoài P. được ly hôn ông Nguyễn Nghĩa D..

b-/ Về con chung: Giao bà Hoàng Thị Hoài P. trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Hoàng Quỳnh N., sinh ngày 15/7/2003. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P. không yêu cầu ông Nguyễn Nghĩa D. cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng người con chung tên Nguyễn Hoàng N., sinh ngày 03/5/1995 (đã trưởng thành).

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

d-/ Về nợ chung: Không có.

2-/ Về án phí: Bà Hoàng Thị Hoài P. phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đ (hai trăm ngàn) đồng bà P. đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014264 ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà P. đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014";

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã T., huyện T., tỉnh Đồng Nai;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu